

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-01-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hùng;
2. Bà Trần Thị Kim Duyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 167/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: ấp G, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: 14E, ấp E, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2/ Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: 1 N, khu phố B, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Anh và chị D chung sống với nhau năm 1998, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01/99 vào ngày 09/3/1999. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng do chị D gây nợ nần, không cho anh biết, khi chủ nợ tới nhà đòi thì anh có lời qua tiếng lại với nhau, sau đó chị D tự ý bỏ đi về nhà mẹ ruột sống, không liên lạc gì với ai, anh có điện thoại liên lạc với chị D để nói chuyện nhưng chị nói là đừng làm phiền nữa; anh và chị D ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị D.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 2000 (đã trưởng thành); Nguyễn Huỳnh Minh K, sinh ngày 22/5/2008; Nguyễn Huỳnh Khánh B, sinh ngày 07/02/2011. Khi ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của con, trường hợp con sống với chị D thì anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng/02 người con chưa thành niên; trường hợp con sống với anh thì anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng; trường hợp mỗi người nuôi dưỡng 01 người con thì không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Huỳnh Thị Ngọc D trình bày:*

Chị thống nhất thời gian chung sống và kết hôn với anh T. Vợ chồng sống chung cũng có nhiều mâu thuẫn, chị mắc nợ do bị lừa, anh T không quan tâm vợ chỉ cãi nhau nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống. Nay trước yêu cầu ly hôn của anh T chị không đồng ý ly hôn với anh T do chưa thỏa thuận tài sản xong, về tình cảm chị cũng không còn tình cảm với anh T.

Về con chung: Thống nhất lời trình bày của anh T là có 03 người con chung; Ngọc T1 đã trưởng thành; Minh K đang sống cùng anh T và đang đi học ở thành phố Hồ Chí Minh; K đang sống cùng chị ở G; trường hợp tòa án cho ly hôn thì chị đồng ý nuôi con tuy nhiên cháu Minh K có mong muốn được học hết lớp 12 ở thành phố Hồ Chí Minh nên chị cũng thống nhất để cháu Minh K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh B1 vì bản thân chị không đủ khả năng nuôi 02 cháu. Chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc D có nơi cư trú tại Phường A, thành phố G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T xin ly hôn với chị D, yêu cầu giải quyết về con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/99 vào ngày 09/3/1999 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh T cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do chị D gây nợ, hai bên cãi nhau, chị bỏ về nhà mẹ ruột sống, không có liên lạc, anh đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành, anh không còn tình cảm gì với chị D nên yêu cầu ly hôn với chị D. Chị D cũng cho rằng cũng không còn tình cảm nhưng vì chưa thỏa thuận chia tài sản xong nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì tình cảm phải xuất phát từ hai phía trong khi anh T đã không còn tình cảm với chị D, chị D xác nhận cũng không còn tình cảm với anh T nhưng không đồng ý ly hôn vì lý do chưa chia tài sản. Do đó, việc chị D không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ tình cảm mong muốn hàn gắn với anh T mà vì lý do tài sản nên yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T với chị D.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 2000 (đã trưởng thành); Nguyễn Huỳnh Minh K, sinh ngày 22/5/2008; Nguyễn Huỳnh Khánh B2, sinh ngày 07/02/2011. Ngọc T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu toà án giải quyết riêng Minh K và K hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu Minh K đang sống cùng anh T để đi học, cháu Khánh B đang sống cùng chị D, tuy cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn nhưng cháu K lại có ý muốn ổn định học hết lớp 12 ở thành phố Hồ Chí Minh; để tạo sự ổn định cũng như tôn trọng nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Minh K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Khánh B cho chị Huỳnh Thị Ngọc D tiếp tục nuôi dưỡng. Qua xác minh, anh chị có nghề nghiệp, đều đủ điều kiện nuôi con.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các

đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị D không phải chịu án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Ngọc D.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Khánh B, sinh ngày 07/02/2011. Anh Nguyễn Minh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Minh K, sinh ngày 22/5/2008. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì anh T, chị D được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001090 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh

Tiền Giang. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí. Chị Huỳnh Thị Ngọc D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TPGC;
- C.C THADS TPGC;
- Các đương sự;
- UBND xã KP, GCĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo